

Số 398/HĐQT/QĐ

Biên Hòa, ngày 17 tháng 09 năm 2010

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA**

(V/v Ban hành Quy chế Quản trị Công ty)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2005 đã được Quốc hội thông qua ngày 29/01/2005;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH 11 đã được Quốc hội thông qua ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa;
- Căn cứ Quyết định số 12/2007/QĐ-BTC ngày 13 tháng 03 năm 2007 của Bộ Tài Chính về việc ban hành Quy chế quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1:

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản trị Công ty áp dụng cho Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Điều 2:

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3:

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và tất các phòng ban Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- HĐQT
- Ban TGD
- VP. CT.HĐQT
- VP. Ban TGD
- Lưu P.HC

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT



ĐỖ VĂN NAM

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA

(Ban hành kèm theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 398 ngày 17/09/2010)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

- 1.1 Quy Chế Quản Trị Nội Bộ của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (“**Công Ty**”) được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và vận dụng những thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị công ty phù hợp với điều kiện của Việt Nam, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của thị trường chứng khoán và góp phần lành mạnh hoá nền kinh tế (“**Quy Chế**”).
- 2.2 Quy Chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công Ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên HĐQT, Ban Giám Đốc, BKS và cán bộ quản lý của Công Ty.
- 2.3 Quy Chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công Ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

- 2.1 Trừ khi được định nghĩa rõ ràng khác đi trong Quy Chế này, các cụm từ viết hoa được sử dụng trong Quy Chế này sẽ có nghĩa như sau:
 - a. “**Quản Trị Công Ty**” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công Ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công Ty.
 - b. “**Điều Lệ**” là điều lệ của Công Ty, bao gồm mọi sửa đổi được phê chuẩn hợp lệ tại từng thời điểm.
 - c. “**Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc ĐHĐCĐ**” gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan cao nhất của Công Ty.
 - d. “**HĐQT hoặc HĐQT**” là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty không thẩm quyền của ĐHĐCĐ và chịu trách nhiệm quản lý Công Ty vì các quyền lợi hợp pháp của cổ đông.
 - e. “**Ban Kiểm Soát hoặc BKS**” là cơ quan chịu trách nhiệm giám sát HĐQT và Cán bộ quản lý trong việc quản lý và điều hành Công Ty, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về thực hiện các nhiệm vụ được giao.
 - f. “**Cán bộ quản lý**” là thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính, Kế Toán Trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công Ty được Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm.
 - g. “**Cổ đông lớn**” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty;

- h. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Điều 6.34 của Luật Chứng khoán và Điều 4.17 của Luật Doanh Nghiệp;
 - j. “Thành viên HĐQT độc lập” là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó giám đốc hoặc Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được HĐQT bổ nhiệm hoặc cổ đông lớn của Công Ty.
- 2.2 Trong Quy Chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Nguyên tắc quản trị Công Ty

Các nguyên tắc quản trị Công Ty bao gồm:

- 3.1 Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả.
- 3.2 Đảm bảo quyền lợi của cổ đông.
- 3.3 Đối xử công bằng giữa các cổ đông.
- 3.4 Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công Ty.
- 3.5 Minh bạch trong hoạt động của Công Ty.
- 3.6 HĐQT và BKS lãnh đạo và kiểm soát Công Ty có hiệu quả.

CHƯƠNG II CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Quyền của cổ đông

Cổ đông có các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định tại Điều Lệ, Luật Doanh nghiệp, của pháp luật, đặc biệt là:

- 4.1 Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của Công Ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều Lệ;
- 4.2 Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công Ty.
- 4.3 Công Ty không được hạn chế cổ đông tham dự ĐHĐCĐ, đồng thời phải tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia ĐHĐCĐ khi cổ đông có yêu cầu.
- 4.4 Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị không thực hiện các quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật nêu trên gây tổn hại tới Công Ty, HĐQT, BKS, Ban Giám Đốc phải đền bù cho Công Ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Công Ty bồi thường theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

- 4.5 Cổ đông có quyền từ chối quyền ưu tiên mua trước cổ phần mới chào bán. Điều này được nêu rõ trong Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Điều 5. Đối xử công bằng giữa các cổ đông

- 5.1 Công Ty có trách nhiệm xây dựng cơ cấu quản trị Công Ty hợp lý, xây dựng hệ thống liên lạc hiệu quả với các cổ đông để đảm bảo:
- Cổ đông thực hiện đầy đủ các quyền theo pháp luật và Điều Lệ quy định;
 - Cổ đông được đối xử công bằng.
- 5.2 Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công Ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 6. Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn

- 6.1 HĐQT của Công Ty xây dựng một cơ chế liên lạc thường xuyên với các cổ đông lớn.
- 6.2 Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Công Ty và của các cổ đông khác.

Điều 7. Hợp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường

- 7.1 HĐQT triệu tập hợp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường theo quy định tại Điều Lệ.
- 7.2 Trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ gồm các nội dung chính sau:
- Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ;
 - Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ;
 - Cách thức bỏ phiếu;
 - Cách thức kiểm phiếu, đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công Ty phải chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu;
 - Thông báo kết quả bỏ phiếu;
 - Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ;
 - Ghi biên bản ĐHĐCĐ;
 - Lập biên bản ĐHĐCĐ;
 - Thông báo nghị quyết ĐHĐCĐ ra công chúng;
 - Các vấn đề khác.

- 7.3 HĐQT sắp xếp chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ một cách hợp lý, bố trí thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp ĐHĐCĐ.
- 7.4 Cổ đông có quyền tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người ủy quyền vào các cuộc họp ĐHĐCĐ. Cổ đông có thể ủy quyền cho HĐQT hoặc các tổ chức lưu ký làm đại diện cho mình tại ĐHĐCĐ. Trường hợp tổ chức lưu ký được cổ đông ủy quyền làm đại diện, tổ chức lưu ký phải công khai nội dung được ủy quyền biểu quyết. Công Ty phải hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy định.
- 7.5 Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán có thể được mời dự họp ĐHĐCĐ để phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề kiểm toán.
- 7.6 Nhằm tăng cường hiệu quả của các cuộc họp ĐHĐCĐ, Công Ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp ĐHĐCĐ một cách tốt nhất.
- 7.7 Hàng năm Công ty phải tổ chức họp ĐHĐCĐ. Việc họp ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
- 7.8 Các nguyên tắc, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được quy định tại Điều Lệ.

Điều 8. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ

Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ phải tối thiểu có các nội dung sau:

- a. Đánh giá tình hình hoạt động của Công Ty trong năm tài chính;
- b. Hoạt động của HĐQT;
- c. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;
- d. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám Đốc;
- e. Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý;
- f. Các kế hoạch dự kiến trong tương lai.

Điều 8. Báo cáo hoạt động của BKS tại ĐHĐCĐ

Báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ phải tối thiểu có các nội dung sau:

- a. Hoạt động của BKS;
- b. Tổng kết các cuộc họp của BKS và các quyết định của BKS;
- c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công Ty;
- d. Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Giám Đốc, và các cán bộ quản lý;
- e. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Giám Đốc, và cổ đông.

CHƯƠNG III

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 9. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT

- 9.1 Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố trước ngày triệu tập họp ĐHĐCĐ một khoảng thời gian hợp lý để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.
- 9.2 Các ứng viên HĐQT có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên HĐQT một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT.
- 9.3 Các cổ đông nắm giữ tối thiểu trên 8% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 8% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
- 9.4 Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công Ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng viên HĐQT được công bố rõ ràng và được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.
- 9.5 Công ty quy định và hướng dẫn cụ thể cho cổ đông việc bỏ phiếu bầu thành viên HĐQT theo phương thức dồn phiếu.

Điều 10. Tư cách thành viên HĐQT

- 10.1 Thành viên HĐQT là những người mà pháp luật và Điều Lệ không cấm làm thành viên HĐQT. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Công Ty.

Các tiêu chuẩn, điều kiện và tư cách thành viên HĐQT được quy định tại Điều Lệ.
- 10.2 Để đảm bảo có sự tách biệt giữa vai trò giám sát và điều hành Công Ty, Công Ty cấm hạn chế thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức vụ trong bộ máy điều hành của Công Ty.
- 10.3 Thành viên HĐQT của Công Ty không được đồng thời là thành viên HĐQT của trên năm (05) công ty khác.
- 10.4 Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức Tổng Giám Đốc trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn tại ĐHĐCĐ thường niên.

Điều 11. Thành phần HĐQT

- 11.1 Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người, trong đó khoảng một phần ba tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập không điều hành.

- 11.2 Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều Lệ, bị cách chức hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên HĐQT, HĐQT có thể bổ nhiệm người khác thay thế. Thành viên HĐQT thay thế trong trường hợp này phải được biểu quyết thông qua tại ĐHĐCĐ gần nhất.

Điều 12. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên HĐQT

- 12.1. Thành viên HĐQT có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của Công Ty.
- 12.2 Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
- 12.3 Các thành viên HĐQT và những người có liên quan khi thực hiện mua hay bán cổ phần của Công Ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và thực hiện công bố thông tin về việc mua bán này theo quy định của pháp luật.
- 12.4 Công Ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên HĐQT sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Tuy nhiên, bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều Lệ.

Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT

- 13.1 HĐQT chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Công Ty. Công Ty xây dựng cơ cấu quản trị Công Ty đảm bảo HĐQT có thể thực thi nhiệm vụ theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ.
- 13.2 HĐQT chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công Ty tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều Lệ, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và quan tâm tới lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công Ty.
- 13.3 HĐQT xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT và trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT gồm các nội dung chủ yếu sau:
- a. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT:
- (i) Tiêu chuẩn thành viên HĐQT;
 - (ii) Cách thức đề cử và ứng cử người vào vị trí thành viên HĐQT của các nhóm cổ đông có đủ tiêu chuẩn đề cử theo quy định của pháp luật và Điều Lệ;
 - (iii) Cách thức bầu thành viên HĐQT;
 - (iv) Các trường hợp miễn nhiệm hay bãi nhiệm thành viên HĐQT;
 - (v) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.

b. Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT:

- (i) Thông báo họp HĐQT (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan, và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp);
- (ii) Điều kiện hiệu lực của cuộc họp HĐQT;
- (iii) Cách thức biểu quyết;
- (iv) Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT;
- (v) Ghi biên bản họp HĐQT;
- (vi) Thông qua biên bản họp HĐQT;
- (vii) Thông báo nghị quyết HĐQT.

13.4 HĐQT xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao và quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT với Ban Giám Đốc và BKS, gồm các nội dung chính sau đây:

a. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao:

- (i) Các tiêu chuẩn để lựa chọn cán bộ quản lý cấp cao;
- (ii) Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp cao;
- (iii) Ký hợp đồng lao động với cán bộ quản lý cấp cao;
- (iv) Các trường hợp miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao;
- (v) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao.

b. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Ban Giám Đốc:

- (i) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Ban Giám Đốc;
- (ii) Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Ban Giám Đốc và BKS;
- (iii) Các trường hợp Tổng Giám Đốc và đa số thành viên BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT;
- (iv) Báo cáo của Ban Giám Đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;
- (v) Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Ban Giám Đốc;
- (vi) Các vấn đề Ban Giám Đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS;

- (vii) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các thành viên BKS và các thành viên Ban Giám Đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nói trên.

13.5 HĐQT có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, thành viên Ban Giám Đốc và các cán bộ quản lý.

13.6 HĐQT có trách nhiệm lập và báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 8 Quy Chế này.

Điều 14. Hợp HĐQT

14.1 HĐQT tổ chức họp theo đúng trình tự được quy định tại Điều Lệ. Việc tổ chức họp HĐQT, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên HĐQT theo đúng thời hạn quy định của pháp luật và Điều Lệ.

14.2 Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên HĐQT tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.

Điều 15. Thường trực HĐQT

15.1 Thường trực HĐQT gồm hai (02) hoặc ba (03) thành viên HĐQT, do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và được ĐHĐCĐ chấp thuận.

15.2 Thường trực HĐQT có thể được HĐQT ủy quyền để thực hiện một số quyền và nhiệm vụ của HĐQT.

15.3 Các quyết định của Thường trực HĐQT được thông qua theo nguyên tắc nhất trí.

15.4 Các quyết định của Hội Đồng Quản Trị chỉ được thông qua khi được tất cả các thành viên Thường trực Hội Đồng Quản Trị nhất trí.

Điều 16. Các tiểu ban của HĐQT

16.1 HĐQT có thể thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của HĐQT, bao gồm tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban kiểm toán nội bộ, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban đặc biệt khác theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

16.2 Đối với tiểu ban kiểm toán phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về kế toán và không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán tài chính của Công Ty.

16.3 HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.

16.4 Trường hợp Công Ty không thành lập các tiểu ban thì HĐQT cử người phụ trách riêng về từng vấn đề như kiểm toán, lương thưởng, nhân sự.

Điều 17. Thư ký Công Ty

17.1 Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị Công Ty được tiến hành một cách có hiệu quả, HĐQT phải chỉ định ít nhất một người làm thư ký Công Ty. Thư ký Công Ty phải là người có

hiếu biết về pháp luật. Thư ký Công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán hiện đang kiểm toán Công Ty.

17.2 Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

- (i) Tổ chức các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo lệnh của Chủ tịch HĐQT hoặc BKS;
- (ii) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- (iii) Làm biên bản các cuộc họp;
- (iv) Đảm bảo các Nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp;
- (v) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và BKS.

17.3 Thư ký Công Ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ.

Điều 18. Thù lao của HĐQT

- 18.1 Thù lao của HĐQT được ĐHĐCĐ thông qua hàng năm và công bố rõ ràng cho cổ đông.
- 18.2 Thù lao của HĐQT được liệt kê đầy đủ trong Thuyết minh báo cáo tài chính được kiểm toán hàng năm.
- 18.3 Trường hợp thành viên HĐQT làm kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám Đốc thì thù lao bao gồm lương của Tổng Giám Đốc và các khoản thù lao khác.
- 18.4 Thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà Công Ty đã thanh toán cho các thành viên HĐQT được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công Ty.

CHƯƠNG IV THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Tư cách thành viên BKS

- 19.1 Thành viên BKS không là những người mà pháp luật và Điều Lệ cấm làm thành viên BKS. Thành viên BKS phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Thành viên BKS có thể không phải là cổ đông của Công Ty.
- 19.2 Trưởng BKS là người có chuyên môn về kế toán, không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán tài chính và không phải là Giám đốc tài chính của Công Ty.

Điều 20. Thành phần BKS

- 20.1 Số lượng thành viên BKS ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người.
- 20.2 Trong BKS có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty và không

phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty.

Điều 21. Quyền tiếp cận thông tin và tính độc lập của thành viên BKS

21.1 Thành viên BKS có quyền tiếp cận với tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công Ty. Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các thành viên BKS.

21.2 Công Ty xây dựng cơ chế đảm bảo thành viên BKS có tính độc lập trong hoạt động và thực thi nhiệm vụ theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ.

Điều 22. Trách nhiệm và nghĩa vụ của BKS

22.1 BKS chịu trách nhiệm trước cổ đông của Công Ty về các hoạt động giám sát của mình. BKS có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính Công Ty, tính hợp pháp trong các hành động của thành viên HĐQT, hoạt động của thành viên Ban Giám Đốc, cán bộ quản lý Công Ty, sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Giám Đốc và cổ đông, và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công Ty và cổ đông.

22.2 BKS họp ít nhất hai lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba số thành viên BKS. Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên BKS tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ như những tài liệu quan trọng của Công Ty nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS đối với các nghị quyết của BKS.

22.3 Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, thành viên Ban Giám Đốc, thành viên kiểm toán nội bộ và thành viên kiểm toán độc lập tham gia và trả lời các vấn đề mà BKS quan tâm.

22.4 BKS có thể báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc các cơ quan quản lý Nhà nước khác trong trường hợp phát hiện những hành vi mà họ cho là vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều Lệ của các thành viên HĐQT, các thành viên Ban Giám Đốc và các cán bộ quản lý.

22.5 BKS có quyền lựa chọn và đề nghị ĐHCĐ phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty.

22.6 BKS chịu trách nhiệm báo cáo tại ĐHCĐ theo quy định tại Quy Chế này.

Điều 23. Thù lao của BKS

Hàng năm các thành viên BKS được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của BKS. Việc tính số thù lao mà các thành viên BKS được hưởng phải rõ ràng, minh bạch và được ĐHCĐ thông qua. Tổng số thù lao thanh toán cho BKS được công bố trong báo cáo thường niên của Công Ty và cho cổ đông.

CHƯƠNG V
NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI
LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

Điều 24. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên HĐQT, Ban Giám Đốc

- 24.1 Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc, cán bộ quản lý và những người liên quan không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công Ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
- 24.2 Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT những hợp đồng giữa Công Ty với chính thành viên HĐQT đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó. Những đối tượng này được tiếp tục thực hiện hợp đồng khi các thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
- 24.3 Công Ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám Đốc, cán bộ quản lý và những người có liên quan hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà các đối tượng trên có các lợi ích tài chính, trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác.
- 24.4 Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, kể cả trong trường hợp lợi ích của thành viên HĐQT trong giao dịch này chưa được xác định và cho dù đó là lợi ích vật chất hay phi vật chất. Các giao dịch nêu trên phải được trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính cùng kỳ và công bố trong Báo cáo thường niên.
- 24.5 Các thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan với các đối tượng trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công Ty để tiết lộ cho người khác hay để tự mình tiến hành các giao dịch có liên quan.
- 24.6 Công Ty quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, thành viên Ban Giám Đốc và các cán bộ quản lý bao gồm các nội dung chính sau đây:
- (i) Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá;
 - (ii) Xây dựng hệ thống khen thưởng và kỷ luật;
 - (iii) Tổ chức bộ máy đánh giá, khen thưởng và kỷ luật; và
 - (iv) Tổ chức thực hiện.

Điều 25. Giao dịch với người có liên quan

- 25.1 Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công Ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể. Các điều khoản ký kết, bổ sung sửa đổi, thời hạn hiệu lực, giá cả cũng như căn cứ xác định giá cả của hợp đồng phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật.

- 25.2 Công Ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công Ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công Ty thông qua việc độc quyền các kênh mua và bán, lũng đoạn giá cả.
- 25.3 Công Ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công Ty. Công Ty không được cung cấp những đảm bảo về tài chính cho các cổ đông và những người có liên quan.

Điều 26. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công Ty

- 26.1 Công Ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công Ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công Ty.
- 26.2 Công Ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Công Ty thông qua việc:
- a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Công Ty và đưa ra quyết định;
 - b. Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với HĐQT, Ban Giám Đốc và BKS.
- 26.3 Công Ty phải quan tâm tới các vấn đề về phúc lợi, bảo vệ môi trường, lợi ích chung của cộng đồng, và trách nhiệm xã hội của Công Ty.

**CHƯƠNG VI
ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Điều 27. Đào tạo về quản trị Công Ty

Thành viên HĐQT và BKS, Tổng Giám Đốc, Phó giám đốc hoặc Phó tổng giám đốc Công Ty cần tham gia các khóa đào tạo cơ bản về quản trị Công Ty do các cơ sở đào tạo có chương trình đào tạo tập huấn liên quan đến quản trị Công Ty tổ chức.

**CHƯƠNG VII
CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH**

Điều 28. Công bố thông tin thường xuyên

- 28.1 Công Ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công Ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy trình công bố thông tin nội bộ của Công Ty, quy định của pháp luật và Điều Lệ. Ngoài ra, Công Ty phải công bố kịp thời và đầy đủ các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

- 28.2 Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 29. Công bố thông tin về tình hình quản trị Công Ty

- 29.1 Công Ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công Ty trong các kỳ ĐHCĐ hàng năm, trong báo cáo thường niên của Công Ty, tối thiểu phải bao gồm những thông tin sau:
- a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT và BKS;
 - b. Hoạt động của HĐQT và BKS;
 - c. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành;
 - d. Hoạt động của các tiểu ban của HĐQT;
 - e. Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công Ty;
 - f. Thù lao và chi phí cho thành viên HĐQT, thành viên Ban Giám Đốc và thành viên BKS;
 - g. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của Công Ty của các thành viên HĐQT, Ban Giám Đốc, BKS, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên HĐQT, Ban Giám Đốc, BKS và những người liên quan tới các đối tượng nói trên;
 - h. Số lượng thành viên HĐQT, Ban Giám Đốc và BKS đã tham gia đào tạo về quản trị Công Ty;
 - i. Những điểm chưa thực hiện theo quy định của Quy chế, nguyên nhân và giải pháp.
- 29.2 Công Ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ quý, năm và công bố thông tin về tình hình quản trị Công Ty theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điều 30. Công bố thông tin về các cổ đông lớn

- 30.1 Công Ty phải tổ chức công bố thông tin định kỳ về từng cổ đông lớn gồm các nội dung chủ yếu sau:
- a. Tên, năm sinh (cổ đông cá nhân);
 - b. Địa chỉ liên lạc;
 - c. Nghề nghiệp (cổ đông cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông tổ chức);
 - d. Số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu trong Công Ty;
 - e. Tình hình biến động về sở hữu của các cổ đông lớn;

- f. Những thông tin có thể dẫn tới sự thay đổi lớn về cổ đông của Công Ty;
 - g. Tình hình tăng, giảm cổ phiếu, và cầm cổ, thế chấp cổ phiếu Công Ty của các cổ đông lớn.
- 30.2 Công Ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ quý, năm và công bố thông tin về tình hình biến động cổ đông theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

Điều 31. Tổ chức công bố thông tin

- 31.1 Việc công bố thông tin của Công Ty được thực hiện theo quy trình về công bố thông tin nội bộ của Công Ty.
- 31.2 Cán bộ công bố thông tin thực hiện đúng quyền và nhiệm vụ được giao.

**CHƯƠNG VIII
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GIÁM SÁT**

Điều 32. Báo cáo

Định kỳ hàng năm, Công Ty phải có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về việc thực hiện quản trị Công Ty theo quy định của Quy chế với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Giám sát

Công Ty, các cá nhân và tổ chức liên quan và các cổ đông Công Ty phải chịu sự giám sát về quản trị Công Ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Xử lý vi phạm

Công Ty vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại Quy Chế này mà không công bố thông tin và báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước theo quy định sẽ phải chịu trách nhiệm và bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT



ĐỖ VĂN NAM